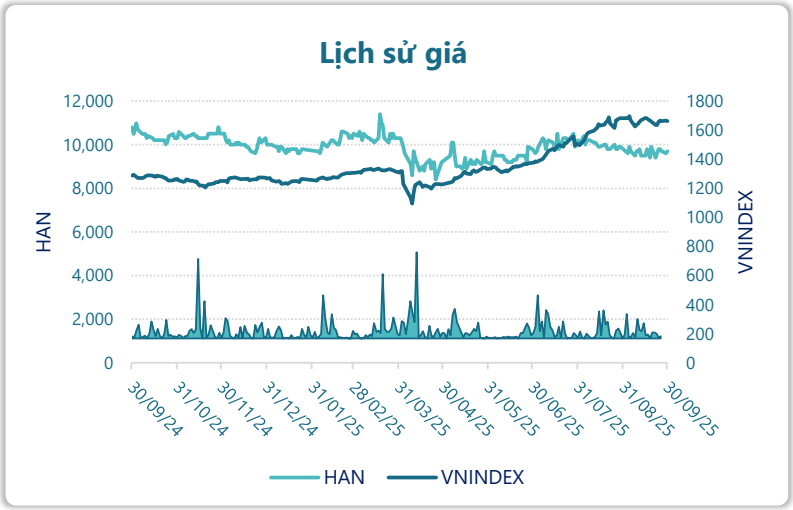
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP (UPCOM: HAN)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,400
SL cổ phiếu LH	141,048,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,420
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,368
P/E	29.4
EPS	330

DT thuần

Q3/25

605

tỷ VNĐ

QoQ: ▼285| -32.0%

YoY: ▲ 324| 115%

LN sau thuế

Q3/25

5.58

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.2| -71.8%

YoY: ▼19.5| -77.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.5%

+/- YoY: ▼ 9.0%

DT thuần

9T 2025

2,362

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 839| 55.1%

LN sau thuế

9T 2025

28.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.4| -40.4%

ROE

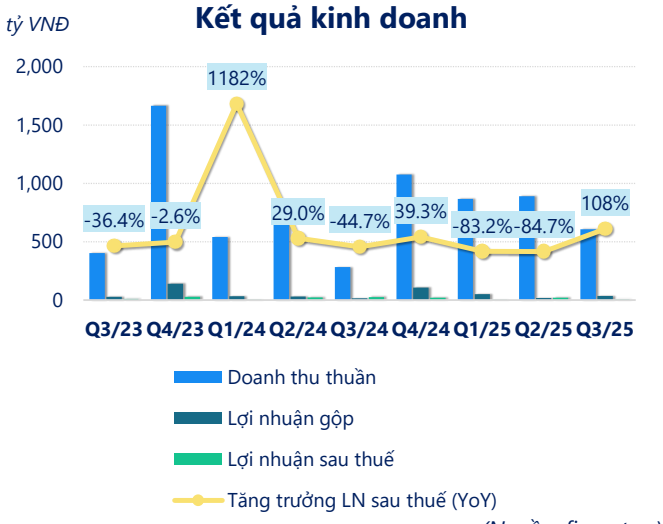
Q3/25

2.9%

+/- YoY: ▼ 0.9%

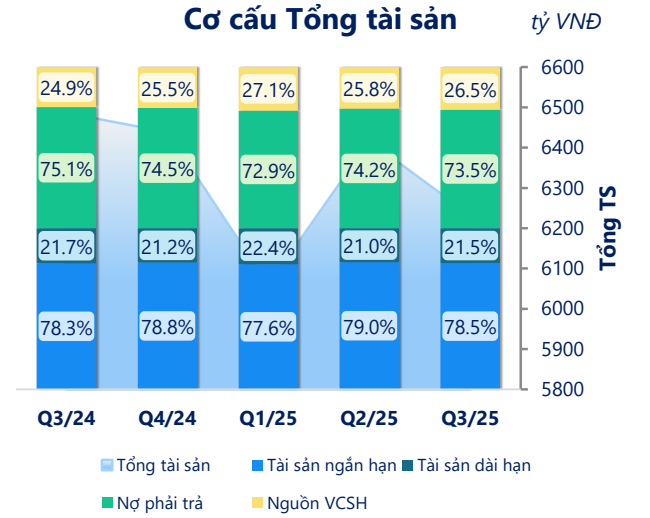
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



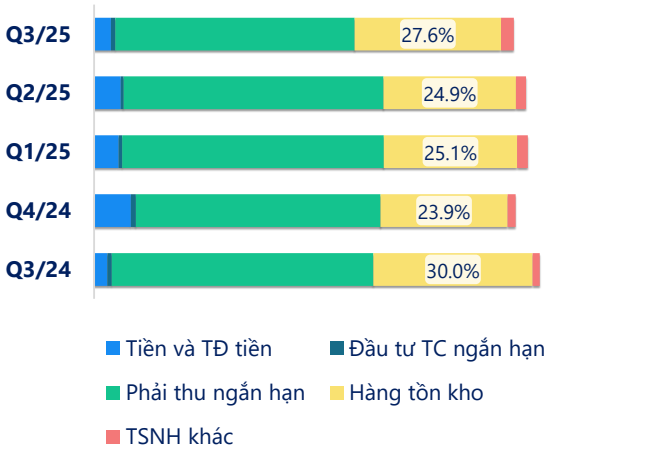
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



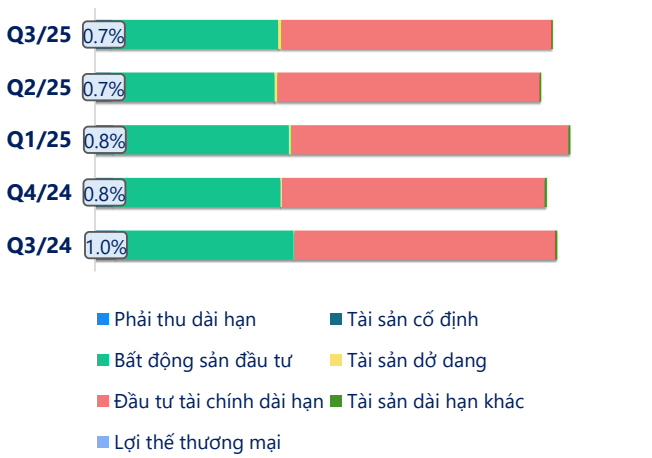
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



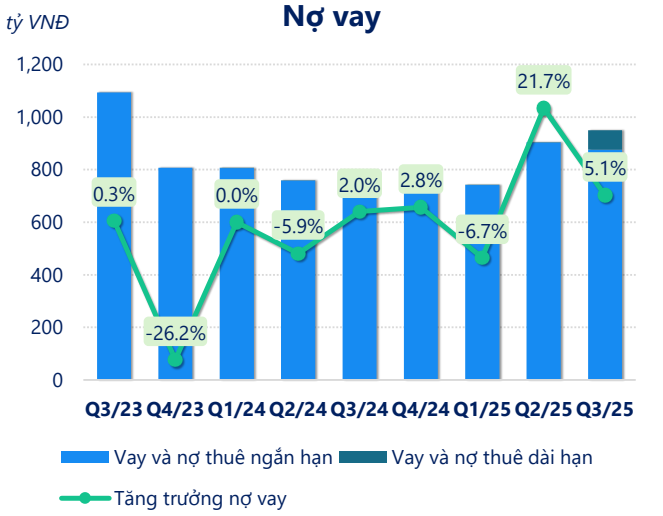
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



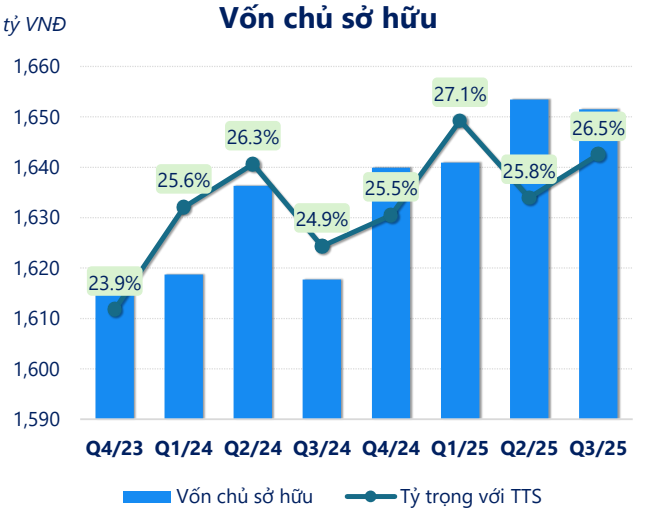
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



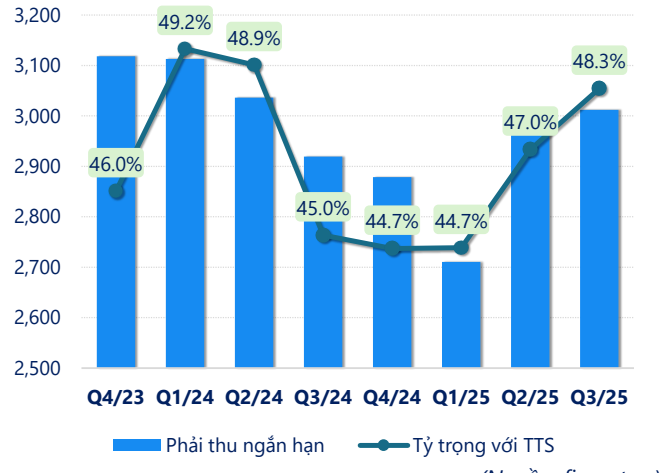
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



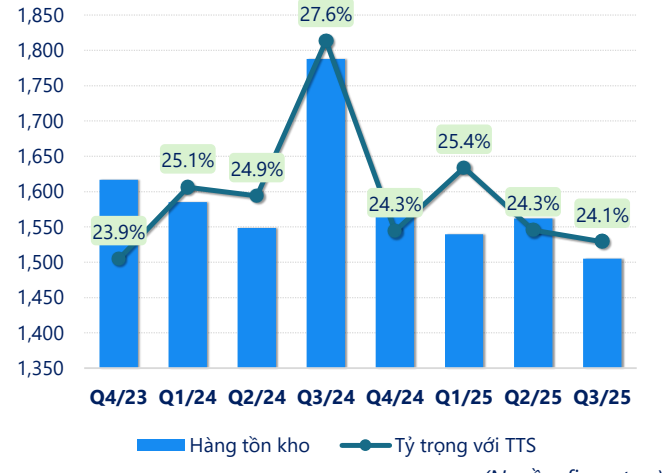
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



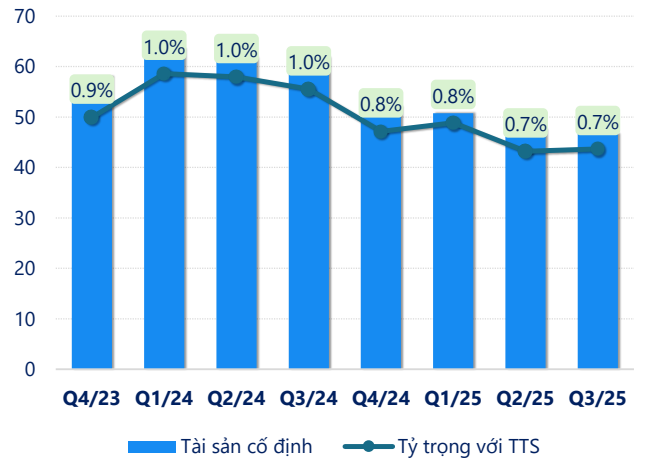
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



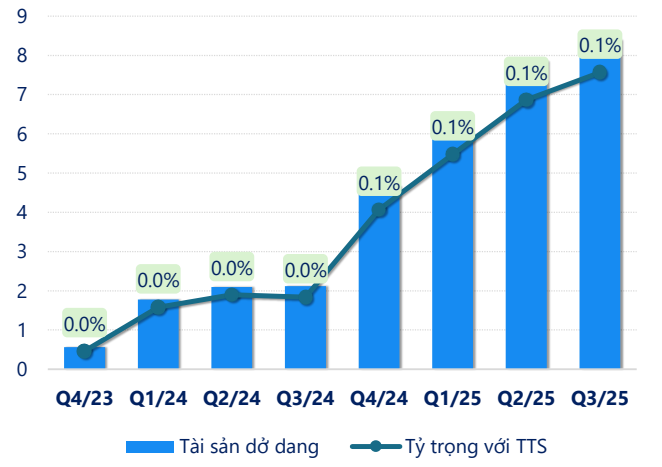
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



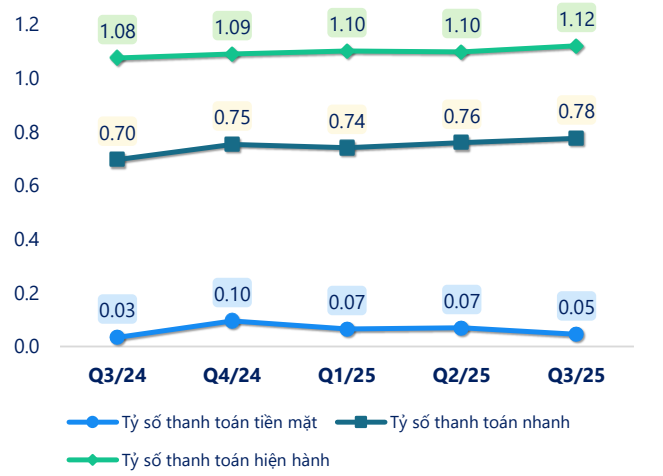
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



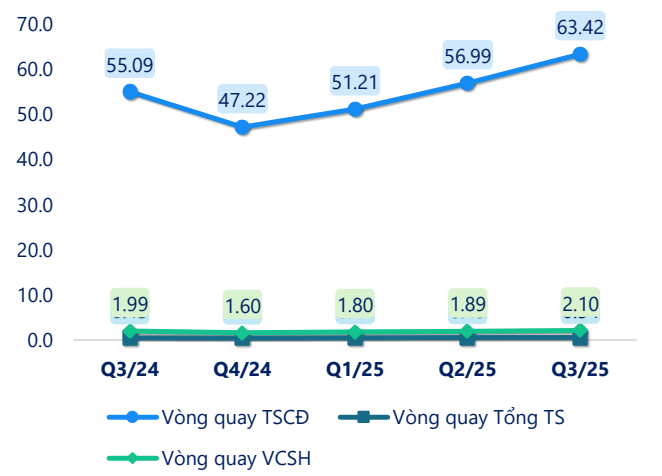
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**6,486**	**6,439**	**6,060**	**6,416**	**6,232**
Tài sản ngắn hạn	**5,076**	**5,071**	**4,705**	**5,070**	**4,890**
Tiền và tương đương tiền	160	443	280	320	198
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.9	47.7	24.7	8.65	11.7
Phải thu ngắn hạn	2,920	2,879	2,710	3,013	3,012
Hàng tồn kho	1,788	1,566	1,540	1,562	1,505
Tài sản ngắn hạn khác	156	135	150	166	164
Tài sản dài hạn	**1,410**	**1,368**	**1,355**	**1,346**	**1,342**
Phải thu dài hạn	2.68	2.68	2.75	2.75	2.73
Tài sản cố định	61.7	52.1	50.8	47.5	46.7
Bất động sản đầu tư	541	507	499	492	488
Tài sản dở dang	2.12	4.66	5.90	7.84	8.38
Đầu tư tài chính dài hạn	795	795	791	791	791
Tài sản dài hạn khác	7.12	6.80	6.01	5.87	5.73
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**4,868**	**4,799**	**4,419**	**4,763**	**4,581**
Nợ ngắn hạn	**4,722**	**4,652**	**4,273**	**4,618**	**4,364**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	774	795	742	903	876
Phải trả người bán ngắn hạn	1,117	1,253	1,146	1,279	1,092
Nợ dài hạn	147	147	146	145	216
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.78	0.65	0.53	73.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,618**	**1,640**	**1,641**	**1,653**	**1,651**
Vốn chủ sở hữu	**1,618**	**1,640**	**1,641**	**1,653**	**1,651**
Vốn điều lệ	1,410	1,410	1,410	1,410	1,410
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)